

BÁO CÁO CÔNG KHAI ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO CHẤT LƯỢNG ĐÀO TẠO TIẾN SĨ

1. Tên chuyên ngành, mã số, quyết định giao chuyên ngành đào tạo: Chăn nuôi, Mã số: 9.62.01.05,

- Quyết định số 4849/QĐ-BGD&ĐT-SĐH ngày 02/12/1998 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc cho phép Đại học Thái Nguyên đào tạo trình độ tiến sĩ chuyên ngành Chăn nuôi;

- Quyết định số 5339/QĐ-BGDĐT của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc giao nhiệm vụ đào tạo trình độ tiến sĩ theo “Đề án đào tạo giảng viên có trình độ tiến sĩ cho các trường đại học, cao đẳng giai đoạn 2010 - 2020” cho Đại học Thái Nguyên (Đề án 911)

2. Đơn vị quản lý chuyên môn: Trường Đại học Nông Lâm - ĐH Thái Nguyên.

3. Chuẩn đầu ra của chuyên ngành đào tạo:

3.1. Kiến thức, kỹ năng

- Có khả năng làm việc độc lập để phát hiện, xây dựng và tổ chức thực hiện các vấn đề nghiên cứu mới xuất phát từ lý luận và thực tiễn trong lĩnh vực chăn nuôi trong và ngoài nước

- Tham mưu, tư vấn cho ngành về xây dựng chiến lược, chương trình, dự án, kế hoạch và đề xuất các giải pháp có tính thực tiễn, hiệu quả trong Chăn nuôi.

- Xây dựng, đánh giá, phân biện các dự án nông nghiệp, các kết quả nghiên cứu của các tổ chức, cá nhân khác liên quan đến chuyên ngành.

- Sử dụng thành thạo tiếng Anh trong giao tiếp và chuyên môn (trình độ B2, khung châu Âu)

3.2. Thái độ

- Tôn trọng đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong cuộc sống và công tác chuyên môn.

- Đồng cảm, học hỏi, lắng nghe và chia sẻ, xây dựng mối quan hệ tốt với đồng nghiệp, cộng đồng.

- Bình tĩnh, tự tin xử lý các tình huống trong công việc.

4. Các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo của chuyên ngành

4.1. Đội ngũ giảng viên cơ hữu chuyên ngành:

Bảng 1. Đội ngũ cán bộ cơ hữu tham gia đào tạo chuyên ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh KH, Học vị, năm công nhận	Chuyên ngành được đào tạo	Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ/Số NCS được giao hướng dẫn	Số học phần/môn học trong CTĐT hiện đang phụ trách giảng dạy	Số công trình công bố trong nước trong 2008-2018	Số công trình công bố ngoài nước trong 2008-2018
1.	Từ Quang Hiến	1954	GS,TS	DD và Thức ăn chăn nuôi	10/11	2	21	06
2.	Trần Huê Viên	1959	PGS. TS. 2000	Chăn nuôi ĐV	-	1	3	-
3.	Trần Văn Phùng	1960	PGS. TS. 1998	Chăn nuôi ĐV	3/4	1	20	01
4.	Nguyễn Duy Hoan	1961	GS. 2016, TS. 1994	Chăn nuôi ĐV	3/3	1	25	01
5.	Trần Thanh Vân	1962	PGS. TS.1998	Chăn nuôi ĐV	2/3	1	26	02
6.	Nguyễn Mạnh Hà	1967	PGS. 2015, TS, 2005	Chăn nuôi ĐV	-	-	17	-
7.	Nguyễn Thị Thuý My	1964	PGS.TS, 2005	Chăn nuôi ĐV	-	1	12	02
8.	Trần Văn Thăng	1969	TS,2012	Chăn nuôi ĐV	-	1	11	6
9.	Nguyễn Thị Quyên	1981	TS,2012	Chăn nuôi ĐV	-	1	4	
10.	Trương Hữu Dũng	1965	TS,2004	Chăn nuôi ĐV	-	-	4	-
11.	Nguyễn Đức Hùng	1958	TS,2005	Chăn nuôi ĐV	-	1	7	-
12.	Mai Anh Khoa	1975	TS, 2007	Chăn nuôi ĐV	-	-	05	05
13.	Hà Văn Doanh	1957	TS,1995	Chăn nuôi ĐV	-	1	-	-
14.	Lê Minh Châu	1980	TS, 2015	Khoa học thực phẩm	-	-	04	01

Bảng 2. Đội ngũ cán bộ thỉnh giảng tham gia đào tạo chuyên ngành

TT	Họ và tên	Năm sinh	Chức danh KH, Học vị, năm công nhận	Chuyên ngành được đào tạo	Số NCS hướng dẫn đã bảo vệ/Số NCS được giao hướng dẫn	Số học phần/môn học trong CTĐT hiện đang phụ trách giảng dạy	Số công trình công bố trong nước trong 2008-2012	Số công trình công bố ngoài nước trong 2008-2012
1.	Trần Tố	1950	PGS. TS 2004	Chăn nuôi ĐV	1/1	1	9	-
2.	Trần Văn Tường	1954	PGS. TS. 1994	Chăn nuôi ĐV	-	1	1	-
3.	Hoàng Toàn Thắng	1955	PGS. TS. 1996	Chăn nuôi ĐV	1/1	1	4	-
4.	Dương Mạnh Hùng	1954	TS, 1991	Chăn nuôi ĐV	-	-	1	-
5.	Phạm Thị Hiền Lương	1960	TS, 2006	Chăn nuôi	-	-	8	-

4.2. Chương trình đào tạo chuyên ngành

4.2.1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

- Năm bắt đầu đào tạo: 1998.
- Thời gian tuyển sinh: Tháng 4 và Tháng 9 hàng năm.
- Hình thức tuyển sinh: Xét tuyển

Nội dung xét tuyển:

- Tiêu ban chuyên môn xét tuyển nghiên cứu sinh đánh giá phân loại thí sinh thông qua hồ sơ dự tuyển thể hiện ở các nội dung:
 - + Kết quả học tập ở trình độ đại học, thạc sĩ;
 - + Thành tích nghiên cứu khoa học đã có và kinh nghiệm hoạt động chuyên môn;
 - + Chất lượng bài luận về dự định nghiên cứu hoặc đề cương nghiên cứu;
 - + Trình độ ngoại ngữ;
 - + Ý kiến nhận xét đánh giá và ủng hộ thí sinh trong 02 thư giới thiệu.

- Yêu cầu về trình độ ngoại ngữ: Người dự tuyển phải đáp ứng yêu cầu về trình độ ngoại ngữ theo Quy chế đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Thời gian đào tạo:

- Đối với người có bằng thạc sĩ: 3 năm (tập trung);
- Đối với người có bằng tốt nghiệp đại học: 4 năm (tập trung).

Tên văn bằng: Tiến sĩ Nông nghiệp.

4.2.2. Chương trình đào tạo

A. CÁC HỌC PHẦN BỔ SUNG

1. Đối với nghiên cứu sinh chưa có bằng thạc sĩ, phải học các học phần bổ sung theo chương trình đào tạo thạc sĩ của chuyên ngành Chăn nuôi. Chương trình học này phải hoàn thành trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

2. Đối với nghiên cứu sinh có bằng Thạc sĩ chuyên ngành gần hoặc có bằng thạc sĩ chuyên ngành đúng nhưng tốt nghiệp đã lâu (trước năm 2000), phải học các học phần bổ sung (gồm học phần ở trình độ đại học và thạc sĩ) theo yêu cầu của giảng viên hướng dẫn và Hội đồng khoa học chuyên ngành. Chương trình học này phải hoàn thành trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

B. CÁC HỌC PHẦN Ở TRÌNH ĐỘ TIẾN SĨ (8 TÍN CHỈ)

1. 1. Các học phần bắt buộc (4 tín chỉ)

Phương pháp thu thập, xử lý, phân tích số liệu và trình bày, đăng báo kết quả nghiên cứu

Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

2. 2. Các học phần tự chọn (4 tín chỉ)

Chăn nuôi gia cầm

Chăn nuôi động vật nhai lại

Chăn nuôi lợn

Độc chất học trong thức ăn chăn nuôi

Môi trường chăn nuôi

Ứng dụng tập tính học động vật trong chăn nuôi

C. CHUYÊN ĐỀ TIẾN SĨ (6 TÍN CHỈ)

Chuyên đề 1

Chuyên đề 2

Chuyên đề 3

Các chuyên đề tiến sĩ đòi hỏi nghiên cứu sinh tự cập nhật kiến thức mới liên quan trực tiếp đến đề tài của nghiên cứu sinh. Nghiên cứu sinh tự đề xuất hướng nghiên cứu chuyên đề dưới sự giúp đỡ của người hướng dẫn. Các chuyên đề này phải hoàn thành trong 24 tháng đầu của thời gian đào tạo trình độ tiến sĩ.

D. BÁO CÁO TIỂU LUẬN TỔNG QUAN

Bài tiểu luận tổng quan về tình hình nghiên cứu và các vấn đề liên quan đến đề tài luận án đòi hỏi nghiên cứu sinh thể hiện khả năng phân tích, đánh giá các công trình nghiên cứu đã có của các tác giả trong và ngoài nước liên quan mật thiết đến đề tài luận án, nêu những vấn đề còn tồn tại, chỉ ra những vấn đề mà luận án cần tập trung nghiên cứu giải quyết.

E. BÁO CÁO SEMINAR Ở BỘ MÔN

Nghiên cứu sinh có ít nhất 05 báo cáo khoa học trình bày ở bộ môn về khả năng nghiên cứu, trong đó có 01 báo cáo trình bày tổng thể kết quả nghiên cứu đề tài luận án.

F. NGHIÊN CỨU KHOA HỌC VÀ LUẬN ÁN TIẾN SĨ

4.2.3. Mô tả tóm tắt học phần trình độ tiến sĩ

PHU 821 (2 tín chỉ) Chăn nuôi chuyên ngành

Professional husbandry

Môn học cung cấp cho NCS các nội dung chuyên sâu về chọn lọc giống gia súc gia cầm theo tính trạng, các ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống gia súc gia cầm ; Protein và axit amin trong chăn nuôi ; mối quan hệ giữa dinh dưỡng và khả năng sinh sản ; quản lý phối giống và thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi ; các biện pháp sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường do chăn nuôi gia súc gia cầm gây ra.

APH 821 (2 tín chỉ) Sinh lý động vật

Alimol physiology

Môn học sinh lý động vật dành cho NCS chuyên ngành Chăn nuôi động vật là môn học cơ sở quan trọng. Môn học cung cấp các kiến thức nâng cao về sinh lý tiêu hóa hấp thu, sinh sản và điều hòa sinh sản của vật nuôi trong mối quan hệ thống nhất của toàn bộ cơ thể cũng như giữa cơ thể với môi trường sống, làm cơ sở khoa học cho việc xây dựng quy trình kỹ thuật nuôi dưỡng, chăm sóc, quản lý, khai thác và sử dụng các loài vật nuôi. Kiến thức về sinh lý động vật cũng là kiến thức cơ sở để đánh giá các biến đổi bệnh lý về tiêu hóa hấp thu và sinh sản khi gia súc, gia cầm mắc bệnh, từ đó có các biện pháp thú y thích hợp nhằm bảo vệ và nâng cao sức khỏe, nâng cao khả năng sinh sản của chúng.

Môn học là nền tảng lý luận rất quan trọng để tiếp thu kiến thức của các môn chuyên khoa trong chuyên ngành chăn nuôi động vật.

Ngoài các nội dung về sinh lý nói chung ở giáo trình sinh lý học vật nuôi viết cho hệ đại học, trong chương trình nâng cao dành cho đào tạo NCS chuyên ngành CNĐV, học viên sẽ được trang bị thêm các kiến thức về phương pháp nghiên cứu hóa hấp thu, các thông tin mới hấp thu, điều hòa sinh sản vật nuôi... để giải thích và áp dụng thiết thực trong công tác nghiên cứu khoa học về chăn nuôi động vật nói chung.

PHU 821(2 tín chỉ) Chăn nuôi gia cầm

Poultry husbandry

- *Thiết kế chuồng nuôi và trang thiết bị chăn nuôi gia cầm trong chuồng kín điều khiển vi khí hậu*
- + Nguyên lý hoạt động của chuồng gia cầm kín có điều khiển vi khí hậu
- + Thiết kế chuồng nuôi kín có điều khiển vi khí hậu
- + Trang thiết bị trong chuồng nuôi kín
- *Kỹ thuật chăn nuôi gà bố mẹ và thương phẩm trong chuồng kín có điều khiển vi khí hậu*
- + Kỹ thuật nuôi gà broiler trong chuồng kín
- + Kỹ thuật nuôi gà đẻ trứng thương phẩm (commercial layers) trong chuồng kín
- + Kỹ thuật nuôi gà bố mẹ hướng thịt (broiler breeders) trong chuồng kín

- *Chọn lọc nhân giống gia cầm*

+ Các phương pháp và hiệu quả chọn lọc dự đoán

+ Hiệu quả chọn lọc dự đoán đối với các tính trạng số lượng

+ Công tác giống đối với gà thuần chủng

+ Công tác giống đối với Vịt hương thịt

- *Phương pháp, chỉ tiêu nghiên cứu và công thức tính trong nghiên cứu chăn nuôi gia cầm*

+ Một số phương pháp thiết kế và bố trí thí nghiệm trong nghiên cứu về chăn nuôi gia cầm

+ Các chỉ tiêu nghiên cứu và công thức tính

+ Phương pháp thường quy khi xử lý số liệu nghiên cứu về chăn nuôi gia cầm

RAH 821 (2 tín chỉ) Chăn nuôi động vật nhai lại

(Ruminant animal husbandry)

Học phần cung cấp cho nghiên cứu sinh các nội dung chuyên sâu về:

- Kỹ thuật chọn giống và nhân giống động vật nhai lại theo các phương pháp hiện đại: Chọn lọc theo tính trạng và chọn lọc theo chỉ số chọn giống.

- Các hệ thống mới về xác định nhu cầu dinh dưỡng và đánh giá giá trị dinh dưỡng của thức ăn cho động vật nhai lại nuôi lấy sữa và lấy thịt.

- Các kỹ thuật mới về nuôi dưỡng động vật nhai lại nuôi lấy sữa và lấy thịt nâng cao hiệu quả sử dụng thức ăn và cho năng suất cao.

SHU 821 (2 tín chỉ) Chăn nuôi lợn

Swine husbandry

Môn học cung cấp cho NCS các nội dung chuyên sâu về chọn lọc giống lợn theo tính trạng (số lợn con đẻ/ lứa và tỉ lệ nạc), các ứng dụng công nghệ sinh học trong công tác giống lợn; Protein và axit amin trong chăn nuôi lợn hướng nạc; mối quan hệ giữa dinh dưỡng và khả năng sinh sản của lợn nái; quản lý phối giống và thụ tinh nhân tạo trong chăn nuôi lợn; vấn đề chết phôi và khả năng đẻ sai con của lợn nái ; các biện pháp sinh học trong xử lý ô nhiễm môi trường do chăn nuôi lợn gây ra.

THF 821 (2 tín chỉ) Độc chất học trong thức ăn chăn nuôi

Toxicology in husbandry food

Giáo trình gồm có 5 chương:

Chương I: Viết về nấm mốc và độc tố của nấm mốc trong các loại thức ăn chăn nuôi. Nấm mốc sinh sản phát triển trên tất cả các loại thức ăn và gây tổn hại tới gần 10% tổng số ngũ cốc và thực phẩm trên toàn cầu.

Chương II: Trình bày sâu hơn về một loại độc tố thường gặp nhất và nguy hại nhất trong số các độc tố của nấm mốc, đó là aflatoxin.

Chương III: Cung cấp một số thông tin về độc tố HCN trong sản phẩm sẵn, một loại thức ăn được sử dụng rộng rãi thuộc hàng thứ hai sau ngũ cốc trên toàn thế giới

Chương IV: Giới thiệu về độc tố mimosin trong keo giậu, một loại cây thức ăn xanh giàu protein, canoten, các chất sắc tố và được sử dụng sản xuất thành bột lá thực vật với sản lượng lớn trên thế giới

Chương V: Viết về các độc tố trong đậu tương, khoai tây và một số chất có thể gây độc.

HFN 821 (2 tín chỉ) Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi

Husbandry food and nutrition

Học phần sẽ có 6 nội dung chính thức dưới đây:

- 1) Mối quan hệ giữa năng lượng với protein, axit amin và cân đối năng lượng với protein, axit amin trong khẩu phần ăn của vật nuôi.
- 2) Sự chuyển hóa các axit amin và vai trò của các axit amin trong cơ thể vật nuôi; nhu cầu axit amin của vật nuôi
- 3) Phytin trong phốt pho thức ăn của vật nuôi, ảnh hưởng của phytin đối với vật nuôi và các biện pháp giảm thiểu tác hại nó.
- 4) Nitrat trong thức ăn của vật nuôi, ảnh hưởng của nitrat đối với vật nuôi và các biện pháp làm giảm thiểu tác hại của nó
- 5) Sắc tố trong bột lá thực vật, ảnh hưởng của sắc tố đối với năng suất và chất lượng sản phẩm.
- 6) Các phương pháp xác định tỷ lệ tiêu hóa và năng lượng trao đổi của thức ăn chăn nuôi.

4.3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đào tạo

Bảng 3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị, tài liệu phục vụ cho chuyên ngành đào tạo

Nội dung	Số lượng
1. Số phòng thí nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo	- Viện khoa học sự sống : 5 phòng thí nghiệm - Khoa chăn nuôi thú y : 3 phòng thí nghiệm
2. Số cơ sở thực hành phục vụ chuyên ngành đào tạo	- Trung tâm thực hành thực nghiệm : 03 - Trung tâm phát triển chăn nuôi miền núi : 02
3. Số cơ sở sản xuất thử nghiệm phục vụ chuyên ngành đào tạo	- Trung tâm thực hành thực nghiệm : 03
4. Số đầu giáo trình phục vụ chuyên ngành đào tạo	
4.1. Giáo trình in	4
4.2. Giáo trình điện tử	
5. Số đầu sách tham khảo phục vụ chuyên ngành đào tạo	
5.1. Sách in	11
5.2. Sách điện tử	
6. Số tạp chí chuyên ngành phục vụ chuyên ngành đào tạo	26

6.1. Tạp chí in	
6.2. Tạp chí điện tử	

Các minh chứng cho Bảng 3

- **Nội dung 1, 2, 3:** Ghi số lượng phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, sản xuất thử nghiệm, lập bảng riêng cho mỗi loại:

TT	Tên phòng thí nghiệm, cơ sở thực hành, CS SX thử nghiệm	Năm đưa vào vận hành	Tổng giá trị đầu tư	Phục vụ cho thí nghiệm, thực hành của các học phần/môn học
1	Phòng thí nghiệm Sinh lý -sinh hóa - thức ăn chăn nuôi	1970	1,2 tỷ	Thức ăn và dinh dưỡng, chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà
2	Phòng thí nghiệm Chăn nuôi động vật	1970	900 tr	Thức ăn và dinh dưỡng, chăn nuôi trâu, bò, lợn, gà
3	Trung tâm thực tập thí nghiệm	1970	43 tỷ	- Chăn nuôi lợn, chăn nuôi trâu bò, chăn nuôi gia cầm, ký sinh trùng, truyền nhiễm
4	Trung tâm nuôi trồng thủy sản miền núi phía Bắc	2009	52 tỷ	- N/C sản xuất cá giống, cá thịt, SX thức ăn

- **Nội dung 4, 5, 6:** Chỉ ghi số giáo trình, sách, tạp chí phục vụ chuyên ngành đào tạo và lập bảng riêng theo mẫu sau cho mỗi loại:

TT	Tên giáo trình / sách / tạp chí	Thể loại (in, điện tử)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản	Phục vụ cho học phần /môn học
1	Công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp	in	Từ Quang Hiến và cs	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2012	
2	Dinh dưỡng và thức ăn chăn nuôi	in	Từ Quang Hiến và cs	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2013	
3	Độc tố trong thức ăn chăn nuôi	in	Từ Quang Hiến và cs	NXB Nông nghiệp, Hà Nội, 2012	
4	Phương pháp nghiên cứu trong chăn nuôi, Giáo trình dùng cho cao học và nghiên cứu sinh	in	Nguyễn Văn Thiện, Nguyễn Duy Hoan, Nguyễn Khánh Quốc	Nông nghiệp, Hà Nội 2002	Chăn nuôi gia cầm
5	Tình hình chăn nuôi trên thế giới và khu vực	in	Đỗ Kim Tuyên	Cục Chăn nuôi (2010)	Chăn nuôi gia cầm
6	Nghiên cứu chọn lọc nhân thuần nâng cao năng suất và chất lượng một số giống gia cầm trong nước và nhập nội,	in	Nguyễn Đăng Vang	KHCN 2001	Chăn nuôi gia cầm

	tạo các tổ hợp lai nhằm phát triển chăn nuôi trong nông hộ				
7	Practical Physiological Chemistry 14 th Edn. p. 1214 Am. J. Clin. Path	in	Hawk and Oser		
8	Principles of Pig Science	in	C.T. Whittemore	Nottingham University Press	Chăn nuôi lợn
9	The science and practice of pig production	in	Colin Whittemore	Longman scientific and technical. Singapore	Chăn nuôi lợn
10	The Nutrient Requirement of pigs	in	Agricultural Research Council	Commonwealth agricultural Bureux, Slough, England	Chăn nuôi lợn
11	Thành phần và giá trị dinh dưỡng của thịt lợn	in	Burdette C. Breidenstein	Nông nghiệp, 2000	Chăn nuôi lợn
12	Thụ tinh nhân tạo cho lợn ở Việt Nam	in	Nguyễn Thiện, Nguyễn Tấn Anh	Nông nghiệp, 1993	Chăn nuôi lợn
13	Giáo trình sinh lý học vật nuôi	in	Hoàng Toàn Thắng	Hà Nội 2006	Sinh lý tiêu hóa
14	Sinh lý và bệnh lý hấp thu	in	Nguyễn Tài Long	KH&KT Hà Nội	Sinh lý tiêu hóa
15	Sổ tay chăn nuôi gia cầm bền vững	in	Lê Văn Năm	Nông nghiệp, 2006	Chăn nuôi gia cầm

4.4. Hoạt động khoa học và công nghệ, hợp tác quốc tế liên quan đến chuyên ngành đào tạo

Bảng 4. Đề tài khoa học, chuyển giao công nghệ, công trình công bố, hợp tác quốc tế thuộc chuyên ngành đào tạo

Nội dung	2008	2009	2010	2011	2012
1. Số đề tài khoa học cấp Nhà nước do CSĐT chủ trì			1	1	
2. Số đề tài khoa học cấp Bộ/tỉnh do CSĐT chủ trì	1	8	7	2	9
3. Tổng số công trình công bố trong năm:	23				
Trong đó: 3.1. Ở trong nước	2	36	27	17	5
3.2. Ở nước ngoài					
4. Số hội thảo, hội nghị khoa học quốc tế liên quan đến	1	1	2	1	1

chuyên ngành đã tổ chức					
5. Số dự án, chương trình hợp tác đào tạo chuyên ngành tiến sĩ với các đối tác nước ngoài	-	-	-	-	-
6. Số giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia đào tạo tiến sĩ với CSĐT nước ngoài	-	-	-	-	-
7. Số giảng viên của CSĐT nước ngoài tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ	-	-	-	-	-

Các minh chứng cho bảng 4

Nội dung 1, 2: Chỉ ghi vào cột năm bắt đầu thực hiện số đề tài khoa học khi có cán bộ khoa học thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia thực hiện, kèm theo bảng danh mục sau:

TT	Tên, mã số đề tài, công trình chuyên giao công nghệ	Cấp chủ quản (NN, Bộ/tỉnh)	Người chủ trì	Người tham gia	Thời gian thực hiện (năm bắt đầu, kết thúc)	Năm nghiệm thu	Tổng kinh phí
1.	Khai thác nguồn gen Ngựa Bạch Việt Nam	Cấp nhà nước	Nguyễn Quang Tuyên		2010	2011	700
2.	Khai thác và phát triển nguồn gen giống bò H'mông	Cấp nhà nước	Trần Huê Viên		2011	2015	
3.	Dự án sản xuất thử nghiệm cấp Bộ Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có mức protein hợp lý được cân đối các axit amin thiết yếu góp phần phát triển chăn nuôi lợn tập trung	Đề tài cấp bộ	Trần Văn Phùng		2009	2010	700
4.	B2009 –TN03-13 Xây dựng vùng chăn nuôi gia cầm an toàn cho một số xã phía Tây thành phố Thái Nguyên và đề xuất giải pháp cho các khu đô thị	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Thị Thúy My		2009	2010	60

5.	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số biện pháp sát trùng và kích thích trứng trong thời gian bảo quản đến kết quả ấp nở của trứng gà. B2009 –TN03-06	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Thị Thanh Bình		2009	2010	60
6.	Nghiên cứu tác động của enzym phytase đến khả năng sản xuất của gà thịt và xác định tỷ lệ bổ sung thích hợp” B2009 –TN03-33	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Thu Quyên		2009	2010	50
7.	B2009-TN01-04 Nghiên cứu thành phần hóa học của các loại cây thức ăn gia súc, gia cầm trồng tại khu vực trung du, miền núi phía bắc Việt Nam.	Đề tài cấp bộ	Trần Văn Phùng		2009	2010	195
8.	B2010-TN02-02Nghiên cứu sử dụng bột lá sắn trong chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng	Đề tài cấp bộ	Mai Anh Khoa		2010	2011	28
9.	B2010-TN02-16 Nghiên cứu sử dụng một số công thức thức ăn ủ chua từ sản phẩm củ và lá sắn với cỏ stylo trong chăn nuôi lợn thịt tại nông hộ	Đề tài cấp bộ	Nguyễn Hưng Quang		2010	2011	18
10.	Nghiên cứu sử dụng bột lá sắn trong chăn nuôi gà thịt và gà đẻ trứng B2010-TN02-02	Đề tài cấp bộ	Mai Anh Khoa		2010	2011	50
11.	Ảnh hưởng của tannin kết hợp với Biochar bổ sung vào khẩu phần cơ sở đến tiêu hóa dạ cỏ và lượng Methane thải ra trong điều kiện in vitro	Đề tài cấp bộ	Mai Anh Khoa	Trần Văn Thăng	2016	2017	
12.	Nghiên cứu ảnh hưởng của hàm lượng selen khác nhau trong thức ăn đến khả năng sinh sản của lợn nái, sản xuất của lợn thịt và sự tồn dư selen trong sản phẩm thịt lợn tại Thái Nguyên .ĐH 2011 - 03 - 01	Cấp Đại học	Phạm Thị Hiền Lương		2011	2012	30
13.	Quy trình nuôi lợn thương phẩm trong	Cấp cơ sở	Lê Minh Châu		2009	2010	

	bể tại Thái Nguyên. T2009-22						
14.	Nghiên cứu hệ vi sinh vật trong quá trình sản xuất nước mắm	Cấp cơ sở	Lê Minh Châu		2017	2018	
15.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc thay thế một số tỷ lệ dầu đậu tương trong khẩu phần đến năng suất sinh sản của lợn nái nuôi con, sinh trưởng của lợn con bú sữa và sau cai sữa giống ngoại trong điều kiện mùa hè. T2009-23	Cấp cơ sở	Trần Huê Viên		2009	2010	
16.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cách thức và thời gian chiếu sáng ban đêm tới khả năng sản xuất của gà broiler nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên, T2010 – 51	Cấp cơ sở	Trần Thanh Vân		2010	2011	
17.	Nghiên cứu Đánh giá hiệu quả sản xuất của công thức lai 3 máu : trống Mía x mái (Lương phượng x Sasso) T2011- 42	Cấp cơ sở	Nguyễn Thị Thuý My		2011	2012	
18.	Nghiên cứu sự ảnh hưởng của mật độ ương nuôi cá rô phi trong quá trình xử lý chuyển đổi giới tính đực 21 ngày tuổi đến khả năng miễn bệnh trùng bánh xe và biện pháp phòng trị tại trung tâm nghiên cứu và chuyển giao công nghệ thủy sản vùng Đông Bắc – trường Đại học Nông Lâm Thái Nguyên. T2012 – 92	Cấp cơ sở	Đoàn Quốc Khánh		2012	2013	
19.	ĐH2012-TN03-12: Nghiên cứu xác định một số yếu tố gây bệnh của vi khuẩn <i>Pasteurella multocida</i> trong bệnh tụ huyết trùng trâu, bò tại Hà Giang, Cao Bằng và lựa chọn vắc xin phòng bệnh.	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Phạm Thị Phương Lan	2012		50
20.	ĐH2012-TN10-01: Nghiên cứu đa hình kiểu gen EDNRB quy định màu lông trắng của ngựa ở khu vực miền núi Đông Bắc	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Nguyễn Văn Noi	2012		57

	Việt Nam						
21.	ĐH2012-TN10-02: Phân lập, tuyển chọn một số chủng <i>Lactobacillus</i> có khả năng sinh axit lactic cao từ các sản phẩm lên men trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên để sản xuất sản phẩm chế phẩm sinh học (probiotics) sử dụng cho vật nuôi.	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Nguyễn Mạnh Tuấn	2012		64
22.	ĐH2012-TN10-04: Nghiên cứu ảnh hưởng mức protein và năng lượng trong khẩu phần ăn đến khả năng sinh trưởng, năng suất và chất lượng thịt của lợn rừng lai tại Thái Nguyên	Đề tài cấp Đại học mới năm 2012	Trường ĐH Nông Lâm	Bùi Thị Thom	2012		50
23.	Lai giống và đánh giá khả năng sinh trưởng của dê lai F1 (Đực Boer x Cái địa phương) tại Trung tâm giống cây trồng và vật nuôi Phó Bảng, Hà Giang	Cấp sơ sở T2016-13	Trần Văn Thăng	Hà Thị Hảo Bùi Ngọc Sơn Nguyễn Hữu Hòa	2016	2016	52
24.	Xác định tỷ lệ tiêu hóa và giá trị năng lượng trao đổi của một số loại thức ăn phổ biến nuôi trâu bằng phương pháp in vivo và in vitro	Cấp cơ sở	Trần Văn Thăng		2017	2018	
25.	Xác định mức lysine/năng lượng trao đổi, các axit amin (lysine, methionine, methionine + cystine) thích hợp với các khẩu phần có hàm lượng protein thô khác nhau và mức (methionine+cystine)/lysine thích hợp của khẩu phần thức ăn cho gà Ri lai (♂ Ri x ♀ Lương Phượng) ĐH2015-TN01-01	Đại học	Trần Thanh Vân	Nguyễn Thị Thúy My	2015	2016	
26.	Hoàn thiện công nghệ nhân giống in vitro, nuôi trồng Lan thạch hộc tía (<i>Dendrobium officinale</i> Kimura et Migo)	Cấp Bộ	Trần Văn Phùng		2015	2017	

	và tuyển chọn, nâng cao năng suất giống lợn Nậm Khiếu (Bắc Kạn – Thái Nguyên) Mã số: CT-592.DABKHCVN.05.2015)						
27.	Mở rộng mô hình chăn nuôi lợn địa phương tại tỉnh Bắc Kạn Mã số: 4.2011.11	Cấp Tỉnh	Trần Văn Phùng		2015		
28.	Bảo tồn và lưu giữ nguồn gen Dê Cỏ (Dê Nản) Định Hóa tại tỉnh Thái Nguyên	Cấp tỉnh	Trần Văn Phùng		2016	2019	
29.							
30.							

Nội dung 3: Chỉ ghi số công trình công bố (bài báo khoa học) có cán bộ khoa học hoặc học viên cao học thuộc chuyên ngành đào tạo tham gia thực hiện, đăng trên các tạp chí khoa học trong và ngoài nước, kèm theo bảng danh mục sau:

TT	Tên bài báo	Các tác giả	Tên tạp chí, nước	Số phát hành (tháng, năm)	Website (nếu có)
1.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và năng suất một số giống cỏ hòa thảo tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, ĐH Thái Nguyên	2009	
2.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ P.atratum trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi	2009	
3.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng cỏ Brachiaria brizantha 6387 trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2009	

4.	Ảnh hưởng của phân N.P.K đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Brachiaria decumbens</i> trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi	2010	
5.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng cỏ <i>Paspalum atratum</i> trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
6.	Nghiên cứu ảnh hưởng của khoảng cách cắt khác nhau đến khả năng thu nhận, tỷ lệ cỏ được sử dụng và tỷ lệ tiêu hóa của một số giống cỏ hòa thảo nhập nội (<i>P. atratum</i> , <i>B. brizantha</i> , <i>B. decumbens</i>) trên bò thịt	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
7.	Đánh giá hiệu quả của cỏ <i>P.atratum</i> , <i>B.brizantha</i> , <i>B.decumbens</i> tươi đến sinh trưởng của bò thịt	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
8.	Nghiên cứu khoảng cách trồng sắn lấy lá đến sản lượng lá sắn và giá thành của bột lá sắn	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
9.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các mức phân đạm đến sản lượng và chất lượng lá sắn	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	
10.	Ảnh hưởng của các phương pháp chế biến đến thời gian phơi, sấy và thành phần hóa học của bột lá sắn	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	
11.	Ảnh hưởng của các tỷ lệ bột lá sắn khác nhau trong thức ăn hỗn hợp đến khả năng sản xuất của gà thịt Lương Phượng	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2012	
12.	Ảnh hưởng của các cách thức chế biến đến thời gian phơi, sấy và thành phần hóa học của bột lá sắn	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2012	

13.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ Brachiaria decumbens Basilisk trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2012	
14.	Xác định khoảng cách cắt thích hợp cho cỏ B. decumbens Basilisk trồng tại Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i> 104 (04)	2013	
15.	Xác định giá trị năng lượng trao đổi của bột lá sắn có hiệu chỉnh theo lượng nitor của thức ăn tích lũy trong cơ thể gà	Từ Quang Hiến và CS	<i>Tạp chí Khoa học và Công nghệ, Đại học Thái Nguyên</i> Tập 118, số 4,	2014	
16.	Effect of different levels of cassava leaf meal in the diet on productivity and quality of luongphuong hen eggs	Từ Quang Hiến và CS	<i>JOURNAL OF ANIMAL SCIENCE, volume LI, Sofia</i>	1-2/2014	
17.	Effect of cassava leaf, leucaena leaf and stylo grass meal in the diet containing the same level of energy and protein on egg performance and quality of luong phuong laying hens	Từ Quang Hiến và CS	<i>JOURNAL OF ANIMAL SCIENCE, volume LI, Sofia</i>	1-2/2014	
18.	Relation between carotenoid content in egg yolk and hatching egg quality accoding to the time laying hens are fed diet containing leaf meal	Từ Quang Hiến và CS	Bulgarian Journal of Agricultural Science, 2016, 92	2016	
19.	Nghiên cứu khả năng sản xuất chất xanh và bột lá của sắn trồng thu lá của tỉnh Thái Nguyên	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, số 214, 2016, 52	2016	
20.	Nghiên cứu ảnh hưởng của cách phối hợp bột lá keo giậu vào khẩu phần ăn đến năng suất và chất lượng trứng của gà đẻ bố mẹ giống Lương Phượng	Từ Quang Hiến và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ Việt Nam – Bộ Khoa học & Công nghệ, Tập 13, số 2/2017.	2017	
21.	Tình hình sản xuất ngành chăn nuôi và hướng phát triển trong tương lai	Từ Quang Hiến và CS	Kỷ yếu, Hội nghị Khoa học toàn quốc	2017	

			Chăn nuôi – Thú y.		
22.	Trao đổi về sử dụng gạo lứt thay thế cho ngô, lúa mỳ trong khẩu phần ăn của vật nuôi	Từ Quang Hiến và CS	Kỷ yếu, Hội nghị Khoa học toàn quốc Chăn nuôi – Thú y. Cần Thơ, tháng 3/2017.	2017	
23.	The effect of some leaf meal kinds as a supplement in the basal diet on Luong Phuong broiler performance	Từ Quang Hiến et al	Bulgarian journal of agricultural science, 23/4/2017 (Scopus).	2017	
24.	Determination of the metabolic energy value of some leaf meal kinds on Luong Phuong broiler chicken	Từ Quang Hiến et al	Proceeding of international scientific conference: “Animal science - challenges and innovations”, 1 - 3/11/2017, Bungaria.	2017	
25.	Nutrient digestibility determination of Cassava, Leucaena, Stylosanthes, Moringa and Trichanthera leaf meals in chickens	Từ Quang Hiến et al	Bulgarian journal of agricultural science, 23/3/2017 (Scopus).	2018	
26.	Comparison on the effects of several leaf meal kinds included in diets of laying hens on egg yield and quality.	Từ Quang Hiến et al	Journal of Animal Science, Bulgari, tập 24, Số 2, 2018	2018	
27.	Ảnh hưởng của bổ sung dầu Đậu tương vào thức ăn đến năng suất sinh sản của lợn nái nuôi con giống ngoại trong điều kiện mùa hè	Trần Huê Viên và CS	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - ĐH Thái Nguyên	2010	
28.	Đặc điểm tinh dịch bò H'Mông Hà Giang và hiệu quả thụ thai của tinh đông viên sau khi bảo tồn sáu tháng.	Trần Huê Viên, Nguyễn Hưng Quang, Trần Văn Thăng , Trịnh Văn Bình,	Tạp chí khoa học kỹ thuật Chăn nuôi, Tập 179, Số 2, tr. 59-66	2014	

		Nguyễn Hữu Cường.			
29.	Kết quả nghiên cứu một số đặc điểm sản xuất thịt của bò Mông nuôi tại huyện Mèo Vạc tỉnh Hà Giang,	Trần Huê Viên, Nguyễn Hưng Quang, Trần Văn Phùng, Nguyễn Đàm Thuyên	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 5/2013, Tr. 165-167.	2013	
30.	Kết quả bước đầu đánh giá một số chỉ tiêu sinh sản và hiệu quả thụ thai bằng tinh đông viên của bò H'mông được chọn lọc nuôi tại Hà Giang	Trần Huê Viên và Nguyễn Hưng Quang	Hội thảo sinh sản vật nuôi lần 1 – VNUS 2017	2017	
31.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ lysine và năng lượng trao đổi của thức ăn có các mức protein khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí nông nghiệp và phát triển nông thôn. Số 2	2008	
32.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein và năng lượng trao đổi trên nền thức ăn có mức axit amin khác nhau đến sinh trưởng của lợn giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ Đại học Thái Nguyên. Số 1 (45) tập 1	2008	
33.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu ở mức cao đến sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí Chăn nuôi – Hội chăn nuôi Việt Nam; Số 4 (110)	2008	
34.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc giảm protein tổng số trên cơ sở cân đối ở mức thấp một số axit amin thiết yếu trong thức ăn hỗn hợp đến khả năng sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50 kg.	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi – Hội chăn nuôi Việt Nam. Số 4 (110)	2008	
35.	Khả năng sản xuất của một số dòng lợn đực lai tại tỉnh Bắc Giang	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi. Số 10 (116)	2008	
36.	Khả năng tiêu hóa của lợn ngoại thương phẩm sau cai sữa nuôi bằng khẩu phần có mức protein thấp được cân đối axit amin và bổ sung men tiêu hóa	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi. Số 3 (121)	2009	

37.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các tỷ lệ protein khác nhau với mức 10 g lysine/kg thức ăn đến sinh trưởng và cho thịt của lợn ngoại lai giai đoạn 18-50 kg	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí Khoa học và Công Nghệ - Đại học Thái Nguyên.	2009	
38.	Ảnh hưởng của việc giảm mức protein thô trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu đến sinh trưởng và hiệu quả sử dụng thức ăn của lợn ngoại thương phẩm nuôi thịt	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí Nông nghiệp và phát triển nông thôn, số 13	2010	
39.	Tồn dư kháng sinh trên thịt lợn và kiến thức, thái độ, thực hành về an toàn sinh học của người chăn nuôi lợn tại tỉnh Thái Nguyên	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí dinh dưỡng & thực phẩm, Tập 6, số 3+4; ISN 1859-0381	2010	
40.	Kiến thức, thái độ thực hành của người chăn nuôi lợn và một số kết quả phân tích tồn dư kháng sinh trên thịt lợn tại tỉnh Thái Nguyên	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí y học thực hành, số 6 (722); ISSN 1859-1663	2010	
41.	Kết quả nghiên cứu hàm lượng caroten và vitamin C của một số nhóm thức ăn thô xanh khu vực miền núi phía Bắc	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	
42.	Hoàn thiện quy trình sản xuất thức ăn hỗn hợp hoàn chỉnh có tỷ lệ protein hợp lý được cân đối một số axit amin thiết yếu góp phần phát triển chăn nuôi lợn tập trung và giảm thiểu ô nhiễm môi trường	Trần Văn Phùng và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi; Số tháng 10	2012	
43.	Nghiên cứu đa hình kiểu gene endothelin-breceptor (EDNRB) quy định màu lông trắng của ngựa ở khu miền núi Đông Bắc Việt Nam,	Nguyễn Văn Nơi, Trần Văn Phùng, Trần Xuân Hoàn	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 5/2013, Tr. 151-154.	2013	
44.	Ảnh hưởng của enzym tiêu hóa trong khẩu phần có mức chất xơ khác nhau đến sinh trưởng của lợn con giai đoạn sau cai sữa,	Trần Văn Phùng, Cù Thị Thúy Nga, Trần Tố	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 5/2013, Tr. 168-172.	2013	
45.	Ảnh hưởng của probiotic đến sinh trưởng của lợn con sau cai	Cù Thị Thúy Nga, Trần Văn Phùng, Trần Tố,	Tạp chí KHKT Chăn nuôi, Số 6[171], Tr.	2013	

	sữa,	Nguyễn Thị Minh Thuận	16-22.		
46.	Ảnh hưởng của độ dày mỡ lưng đến năng suất sinh sản của lợn nái trong chăn nuôi tập trung,	Trần Văn Phùng, Đặng Văn Nghiệp, Bùi Thị Thơm	Tạp chí Khoa học & Công nghệ - Đại học Thái Nguyên, Tập 118 số 04, Tr. 55-60.	2014	
47.	Ảnh hưởng của đa hình gen prolactin và properdin đến chỉ tiêu số lợn con đẻ trên lứa của lợn nái lai F1 (Đực rừng x nái địa phương Pác Nặm),	Trần Văn Phùng, Bùi Thị Thơm, Dương Thị Khuyên	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 11/2015, Tr. 129-135.	2015	
48.	Creating Sustainable Livelihood for Ethnic People Living in Mountainous Areas by Raising Native pigs, Proceedings of the International conference on Livelihood Development and Sustainable Environmental Management in the Context of Climate Change (LDEM),	Tran Van Phung, Nguyen Van Hien, Duong Thi Khuyen, Bui Thi Thom	Agriculture Publishing House, ISBN 978-604-60-2164-3, p. 416-423.	2015	
49.	Khả năng sinh sản của lợn nái lai giữa lợn đực rừng Việt Nam và lợn nái VCN-MS15 nuôi tại Thái Nguyên,.	Trần Văn Phùng, Đào Thị Hồng Chiêm, Bùi Thị Thơm	Tạp chí Nông nghiệp & Phát triển nông thôn, số 24/2016, tr. 103-108	2016	
50.	Ảnh hưởng của hỗn hợp vi khuẩn Probiotic đến tỷ lệ tiêu hóa ở lợn con giai đoạn sau cai sữa.	Trần Văn Phùng, Nguyễn Thị Minh Thuận, Cù Thị Thúy Nga.	Tạp chí KHKT Chăn nuôi,	2018	
51.	Số lượng, sự phân bố của dê địa phương Định Hóa - Thái Nguyên	Trần Văn Phùng, Nguyễn Thị Minh Thuận, Nguyễn Thị Duyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2018	
52.	Xác định mức độ tồn dư một số loại kháng sinh trong thịt và cơ quan nội tạng của lợn nuôi tại tỉnh T. Nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
53.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng khác nhau trong khẩu phần đến chất lượng các loại axit béo trong trứng gà đẻ.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	

54.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của giống gà Hồ Bắc Ninh	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
55.	Mối quan hệ giữa mức năng lượng trong khẩu phần với các chỉ tiêu trao đổi lipid trong cơ thể gà đẻ	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2009	
56.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng cho thịt và sinh sản của giống vịt Bầu Bền Hòa bình	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Chuyên đề giống cây trồng vật nuôi	2009	
57.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của 2 giống ong mật Apis Cerana và Apis Mellifera nuôi ở miền Bắc Việt nam	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2010	
58.	Nghiên cứu sự suy giảm một số chất dinh dưỡng trong quá trình bảo quản thịt gia cầm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn	2010	
59.	Ảnh hưởng của chế phẩm sinh học Pharselenzym đến khả năng sản xuất của lợn nái ngoại	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2012	
60.	Nghiên cứu lượng kháng sinh trong thịt, gan và trứng gà lưu thông trên thị trường tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2008	
61.	Khả năng sinh sản của gà Mèo và con lai của chúng với gà Ri	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2008	
62.	Một số đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của gà Mèo và con lai của chúng với gà Ri	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2008	
63.	Khả năng sinh trưởng, phát dục của gà hậu bị Grimaud nhập từ Pháp	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2009	
64.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hóa thức ăn của ngan Pháp thương phẩm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	
65.	Khả năng sản xuất của 2 dòng ngan Pháp R51 và R71 nuôi tại các nông hộ của tỉnh Thanh Hóa	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	

66.	Ảnh hưởng giữa mức năng lượng, protein trong thức ăn đến tỷ lệ mỡ bụng, tỷ lệ lipid trong thịt và gan của ngan Pháp nuôi bán chăn thả	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	
67.	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh sản của ong chúa Apis cerana nuôi tại Thái nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Chăn nuôi	2010	
68.	Nghiên cứu ảnh hưởng của một số yếu tố tự nhiên đến tỷ lệ nước trong mật ong nội APIS CERANA tại TP.TN	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí KHCN, Đại học Thái Nguyên	2008	
69.	Đánh giá thực trạng cán bộ Nông lâm nghiệp của tỉnh Tuyên Quang nhằm định hướng cho công tác đào tạo trong giai đoạn 2008 – 2015	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học, ĐH Thái Nguyên	2008	
70.	Nghiên cứu sử dụng hệ vi sinh vật hữu ích (Effective Microorganisms-EM) trong chăn nuôi gà thịt tại Thái nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Kỷ yếu hội nghị công nghệ sinh học toàn quốc năm 2009	2009	
71.	Nghiên cứu xác định hàm lượng kháng sinh, hormone trong một số loại thức ăn và chế phẩm sinh học dùng cho chăn nuôi có thị phần lớn tại Thái nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2009	
72.	Nghiên cứu ứng dụng dung dịch điện hoạt hóa trong chăn nuôi gà đẻ nhằm cải thiện môi trường và nâng cao hiệu quả ấp nở.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2009	
73.	Nghiên cứu một số chỉ tiêu đánh giá chất lượng thịt gà Ri và gà Ác nuôi tại Thái Nguyên	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2009	
74.	Nghiên cứu mối quan hệ giữa một số thành phần lý hóa học trong thịt với chất lượng cảm quan thịt gia cầm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2010	
75.	So sánh hàm lượng, thành phần lipid và các loại axit béo trong thịt một số loại gia cầm	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2010	
76.	Ảnh hưởng của nhiệt độ môi trường bảo quản đến hàm lượng nước liên kết trong thịt gà.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học – ĐH Thái Nguyên	2010	
77.	The Effect of Different Levels of Sesame Oil on Productive Performance, Egg yolk and Blood serum Lipid profile in Laying hens.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Open Journal of Animal Sciences (OJAS) ISSN: 2161-7627 IF:	2016	

			0.45		
78.	Influence of time and the replacement rate of soybean oil by flax oil in the Leghorn hen' diet on polysaturated fatty acid profile in eggs.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Journal of Agricultural Science and Technology, USA; ISSN: 2161-6256	2015	
79.	Overall assessment of domestic duck variety in Vietnam.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Proceeding of 14 th European Poultry Conference, Stavanger Norway, 2014	2014	
80.	The relationship between some physicochemical compositions of meat with sensory quality of poultry meat.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Proceeding of 10 th Asia Pacific Poultry Conference - Jeju island Korea, 2014	2014	
81.	Meat Quality Comparison Between Fast Growing Broilers Ross 308 and Slow Growing Sasso Laying Males Reared in Free Range System.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Tạp chí Khoa học và Phát triển Học, Học viện NN Hà nội; ISSN: 1859-0004	2016	
82.	Some technical interventions to eliminate coldstress in cattle and buffaloes caused by climate change in Northern Mountainous areas of Vietnam.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Inter. Conf. Proc., Tuaf, 2015; APH 63-60/NN-2015-1/190-15 ISBN: 978-604-60-	2015	

			2164-3		
83.	Feeding management of poultry during heat stress at tropical countries.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Inter. Conf. Proc., Tuaf, 2015; APH 63-60/NN-2015-1/190-15 ISBN: 978-604-60-2164-3	2015	
84.	Initial assessment on growth and yield of some grass varieties grown in the Northwestern mountainous region.	Nguyễn Duy Hoan và CS	KHCN, ĐH Thái Nguyên; ISSN:1859-2171	2014	
85.	Effects of outdoor access on growth performance, carcass composition and meat characteristics of broiler chickens.	Nguyễn Duy Hoan và CS	KHCN, ĐH Thái Nguyên; ISSN:1859-2171	2015	
86.	Effect of organic selenium and zinc on the performance and egg quality of Japanese quails submitted to heat stress.	Nguyễn Duy Hoan và CS	KHCN, ĐH Thái Nguyên; ISSN:1859-2171	2015	
87.	The effect of dietary energy densities on the body weight and muscles' chemical composition of France muscovy duck broiler, keeping to 84 days of age.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Inter. Conf. Proc., Tuaf, 2015; APH 63-60/NN-2015-1/190-15 ISBN: 978-604-60-2164-3	2015	
88.	Effect of time and rate replacement of soybean oil by sesame oil in laying hen' diet on reproductive performance and polyunsaturated fatty acid profile in eggs.	Nguyễn Duy Hoan và CS	KHCN, ĐH Thái Nguyên; ISSN:1859-2171	2016	

89.	Selection of suitable forages for the cold and dry conditions in North West Vietnam.	Nguyễn Duy Hoan và CS	Inter. Conf. Proc., Tuaf, 2015; APH 63-60/NN-2015-1/190-15 ISBN: 978-604-60-2164-3	2015	
90.	The Effect of probiotic – vizyme on Production and Quality Performance of Luong Phuong layers.	Nguyễn Duy Hoan và CS	KHCN, ĐH Thái Nguyên; ISSN:1859-2171	2016	
91.	Ảnh hưởng của bổ sung dầu vùng đến năng suất sinh sản của chim cú đẻ.	Nguyễn Duy Hoan và CS	NN&PTNT; ISSN:0866-7020	2015	
92.	Ảnh hưởng của bổ sung L-Threonine trong khẩu phần có hàm lượng protein khác nhau đến năng suất sinh sản của gà đẻ Leghorn.	Nguyễn Duy Hoan và CS	KHCN, ĐH Thái Nguyên; ISSN:1859-2171	2016	
93.	So sánh thành phần hóa học và chất lượng của thịt gà nuôi chăn thả và gà nuôi nhốt hoàn toàn.	Nguyễn Duy Hoan và CS	NN&PTNT; ISSN:0866-7020	2015	
94.	Đánh giá khả năng sản xuất của 3 tổ hợp lợn đực lai cuối cùng giữa 3 giống Duroc, Pietrain và Landrace.	Nguyễn Duy Hoan và CS	NN&PTNT; ISSN:0866-7020	2015	
95.	Ảnh hưởng của phương thức chăn thả đến năng suất và chất lượng thịt gà Ri	Nguyễn Duy Hoan, Trần Thanh Vân	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 131 (01), ISSN: 1859-2171, tr. 61-68.	2015	
96.	"Feeding management of poultry during heat stress at tropical countries", Proceedings of the International Conference on Livelihood development and Sustainable Environmental	Nguyen Duy Hoan, Truong Huu Dung, Tran Thanh Van	Agriculture Publishing House, ISBN: 978-604-60-2164-3, pp.	2015	

	Management in the context of climate change,		353-360.		
97.	Comparison of reproduction of Khakicampbell, Triet Giang and crossed breed F1 (Khakicampbell female x Triet Giang drake) raising in the garden of Thai Nguyen	Trần Thanh Vân và CS	Proceeding the 13th Animal science congress of the Asian-Australasian association of animal production societies	2008	
98.	Behavior, adopted, growth, maturity, reproduction and meat production capacity of Guinea fowl L strain keeping at Thai nguyen city	Trần Thanh Vân và CS	Proceeding the 13th Animal science congress of the Asian-Australasian association of animal production societies	2008	
99.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mùa vụ và phương thức nuôi tới khả năng sinh trưởng và cho thịt của gà thương phẩm Sasso	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
100.	Nghiên cứu khả năng sản xuất thịt của gà F1 (trống Mèo x mái Ai Cập) và F1 (trống Mèo x mái Lương Phượng) nuôi bán chẵn thả tại Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
101.	Khả năng sản xuất của gà thương phẩm Sasso Việt Nam nuôi tại Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2009	
102.	Một số chỉ tiêu về thành phần thân thịt và chất lượng thịt gà Sasso Việt Nam nuôi tại Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2009	
103.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà Sasso ông bà được chọn tạo tại Việt Nam	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
104.	Ảnh hưởng của tỷ lệ protein thức ăn với tỷ lệ protein và axitamin của thịt gan Pháp	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
105.	Tương quan protein trong khẩu phần ăn và tỷ lệ protein của huyết thanh, gan và thịt gan Pháp	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học	2009	

			Thái Nguyên		
106.	Nghiên cứu khả năng sản xuất của gà bố mẹ Sasso được chọn tạo tại Việt Nam	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
107.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hoá thức ăn của ngan Pháp thương phẩm	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
108.	Ảnh hưởng của chế độ chiếu sáng đến sức sản xuất của gà broiler nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
109.	Ảnh hưởng giữa mức năng lượng, protein trong thức ăn đến tỷ lệ mỡ bụng, tỷ lệ lipit trong thịt và gan ngan pháp nuôi bán chăn thả	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
110.	Nghiên cứu ảnh hưởng của giống, mật độ bãi thả đến khả năng sản xuất thịt của gà bán nuôi nhốt ở nông hộ	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
111.	Thực trạng chăn nuôi gà tại năm xã phía tây thành phố Thái Nguyên	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
112.	Proposal for development of master academic program of Thai Nguyen university	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
113.	Ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase vào khẩu phần đến một số chỉ tiêu sản xuất của gà broiler	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
114.	Ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase trong khẩu phần ăn đến hiệu quả sử dụng can xi, photpho và khả năng sinh trưởng của gà broiler	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
115.	Ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase trong khẩu phần thức ăn cho gà thịt đến khả năng tiêu hoá canxi, photpho và khoáng hoá xương	Trần Thanh Vân và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2011	
116.	Nghiên cứu khả năng sản xuất, chất lượng thịt của gà Mèo nuôi	Trần Thanh Vân, Nguyễn Tiến Hưng, Nguyễn Thị	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học	2014	

	tại Quảng Yên, Quảng Ninh	Thúy My	Thái Nguyên, 123 (09), ISSN: 1859-2171, tr. 67-76.		
117.	Ảnh hưởng của phytaza trong khẩu phần có các mức Ca, P khác nhau đến sinh trưởng, tiêu tốn thức ăn và tiêu hoá canxi, photpho của gà broiler	Trần Thanh Vân và cs	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 101(01), ISSN: 1859-2171, tr. 39-46;	2013	
118.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung Phytase vào khẩu phần ăn đến khả năng sản xuất và giảm thiểu ô nhiễm môi trường của gà broiler	Trần Thanh Vân , Trần Quốc Việt, Nguyễn Thu Quyên, Nguyễn Thị Thúy My	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 4/2015, tr. 265-271, ISBN: 978-604-60-2019-6.	2015	
119.	"Nghiên cứu xác định mức lizin/ME, protein và axit amin thích hợp trong khẩu phần chăn nuôi gà F ₁ (RI x Lương Phượng)	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Nguyễn Thu Quyên	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, số 17/2015, tr. 94-99.	2015	
120.	Nghiên cứu một số đặc điểm ngoại hình và khả năng sinh sản của gà Lạc Thủy-Hòa Bình	Trần Thanh Vân , Đỗ Thị Kim Dung, Vũ Ngọc Sơn, Nguyễn Thị Thúy My	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 4/2015, tr. 195-200, ISBN: 978-604-60-2019-6.	2015	
121.	The effect of replacement corn by brown rice on performance of chicken production	Mai Thanh Vu, Van Thanh Tran, My Thi Thuy Nguyen, Van Cao, Tuan Ngoc Minh Nguyen	Proceedings the 9 th Vietnames-Hungarian International, Research for developing sustainable agriculture., pp. 99-102.	2016	

122.	Ảnh hưởng của tỷ lệ (methionine +cystin)/lysine trong khẩu phần đến sức sản xuất thịt của gà Ri lai nuôi trong vụ hè thu và đông xuân	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Nguyễn Thu Quyên, phạm Văn Toàn	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 153 (08), 8/2016, ISSN: 1859-2171, tr. 23-28.	2016	
123.	Khả năng sử dụng gạo lật thay thế ngô trong khẩu phần chăn nuôi gà F1 (Ri x Lương Phượng)	Trần Thanh Vân, Trần Quốc Việt, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Nguyễn Thu Quyên	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, kỳ 2 - tháng 10, tr. 97 - 102.	2016	
124.	Khả năng sản xuất thịt của gà F1 (Ri x Lương Phượng) nuôi theo mức dinh dưỡng mới khuyến cáo trong điều kiện sản xuất nông hộ	Trần Thanh Vân, Võ Văn Hùng, Nguyễn Thị Thúy My, Trần Quốc Việt, Nguyễn Thu Quyên	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 161 (01), ISSN: 1859-2171, tr. 17-23.	2017	
125.	Ảnh hưởng của kỹ thuật cân bằng hai bước và kỹ thuật giải đông tới chất lượng tinh dịch lợn đông lạnh	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2010	
126.	Kết quả bước đầu nghiên cứu đông lạnh phối bào bằng phương pháp thủy tinh thể	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2008	
127.	Tình hình sinh sản của lợn Móng Cái nuôi tại khu vực miền núi phía Bắc và ứng dụng kích dục tố huyết thanh ngựa chữa kích thích động dục đối với lợn	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2008	
128.	Sử dụng kỹ thuật EIA chẩn đoán nguyên nhân chậm sinh ở bò sữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2009	
129.	Tình hình sinh sản của bò cái lai Sind và bò vàng địa phương nuôi tại một số khu vực của vùng trung du miền núi phía Bắc và biện pháp nâng cao khả năng sinh sản của bò bằng kích dục tố huyết thanh ngựa chữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2009	
130.	Xác định thời gian khai thác huyết thanh ngựa chữa thích hợp nhờ phương pháp định lượng hormone EIA	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2009	
131.	Ảnh hưởng của giai đoạn tuổi và thời gian cai sữa khác nhau tới hiệu quả gây động dục đối với lợn bằng kích dục tố huyết thanh ngựa chữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2010	

132.	Nghiên cứu ảnh hưởng của môi trường ly tâm và chế độ ly tâm tới sức sống của tinh trùng trong kỹ thuật đông lạnh tinh dịch lợn	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2010	
133.	Ảnh hưởng của kỹ thuật cân bằng hai bước và kỹ thuật giải đông tới chất lượng tinh dịch lợn đông lạnh	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2010	
134.	Ảnh hưởng của thời gian cai sữa tới khả năng sinh sản của lợn nái dòng C1050 nuôi tại trại lợn Tân Thái- Đồng Hỷ- Thái Nguyên và biện pháp nâng cao khả năng sinh sản bằng kích dục tổ PG600	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2010	
135.	Nghiên cứu tạo kháng thể kháng progesterone trên thỏ để chẩn đoán có thai sớm và bệnh sinh sản của bò sữa	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2013	
136.	Nghiên cứu đặc điểm sinh trưởng và khả năng sinh sản của lợn Bản nuôi tại huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2013	
137.	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sự đa dạng di truyền nhằm phục vụ cho công tác bảo tồn và sử dụng hợp lý giống gà Hồ và gà Mía của Việt Nam	Nguyễn Mạnh Hà	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT	2013	
138.	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng và sự đa hình của gen Cytochrome b của gà Hồ và gà Mía phục công tác bảo tồn giống	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2013	
139.	Nghiên cứu ảnh hưởng của bệnh viêm tử cung tới khả năng sinh sản của lợn mẹ, khả năng sinh trưởng và đề kháng với một số bệnh thường gặp của lợn con	Nguyễn Mạnh Hà	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT	2013	
140.	Nghiên cứu tạo chế phẩm Horse Radish Peroxydase-Progesterone tự gắn dùng trong bộ Kit EIA-P4 và ứng dụng để chẩn đoán có thai sớm ở bò	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2014	
141.	Nghiên cứu ảnh hưởng một số yếu tố kỹ thuật đến kết quả thụ tinh nhân tạo cho dê bằng tinh đông lạnh cọng rạ	Nguyễn Mạnh Hà và CS	Khoa học công nghệ Đại học Thái Nguyên	2016	
142.	Nghiên cứu ảnh hưởng của mùa vụ và phương thức nuôi tới khả năng sinh trưởng và cho thịt của gà thương phẩm Sasso	Nguyễn Thị Thúy Mỹ và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
143.	Nghiên cứu khả năng sản xuất thịt của gà F1 (trống Mèo x mái Ai Cập) và F1 (trống Mèo x mái Lương Phượng) nuôi bán chăn thả tại Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thúy Mỹ và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	

144.	Ảnh hưởng của tỷ lệ protein thức ăn với tỷ lệ protein và axitamin của thịt gan Pháp	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
145.	Tương quan protein trong khẩu phần ăn và tỷ lệ protein của huyết thanh, gan và thịt gan Pháp	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
146.	Ảnh hưởng của các mức năng lượng trong khẩu phần ăn đến sinh trưởng và hiệu quả chuyển hoá thức ăn của gan Pháp thương phẩm	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
147.	Ảnh hưởng của chế độ chiếu sáng đến sức sản xuất của gà broiler nuôi ở chuồng thông thoáng tự nhiên	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2010	
148.	Ảnh hưởng giữa mức năng lượng, protein trong thức ăn đến tỷ lệ mỡ bụng, tỷ lệ lipit trong thịt và gan gan pháp nuôi bán chăn thả	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí KHKT Chăn nuôi	2010	
149.	Nghiên cứu ảnh hưởng của giống, mật độ bãi thả đến khả năng sản xuất thịt của gà bán nuôi nhốt ở nông hộ	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
150.	Thực trạng chăn nuôi gà tại năm xã phía tây thành phố Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thúy My và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2011	
151.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc sử dụng đệm lót vi sinh vật tới môi trường chuồng nuôi và hiệu quả chăn nuôi gà sinh sản bố mẹ	Nguyễn Thị Thúy My, Lương Văn Hiến, Trần Thanh Vân	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 4/2015, tr. 751-757, ISBN: 978-604-60-2019-6.	2015	
152.	The effect dietary energy density on body weight and muscle' chemical composition of france muscovyduck broiler, keeping to 84 days of age	My T. T. Nguyen, Hoan D. Nguyen, Van T. Tran	Proceedings of the International Conference on Livelihood development and	2015	

			Sustainable Environmental Management in the context of climate change, Agriculture Publishing House, ISBN: 978-604-60-2164-3, pp. 375-379.		
153.	Effectiveness of meat metabolizable energy level (ME) and crude protein levels (CP) the same ME/CP ration on performance of france muscovyduck broiler at 84 days of age,	Nguyen Thi Thuy My, Tran Thanh Van "	Journal of Science and Technology, Thai Nguyen University (134), N 04, ISSN: 1859-2171, pp. 97-104	2015	
154.	Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm Mfeed+ đến sức sản xuất thịt của gà F1 (Ri x Lương Phượng) nuôi nhốt tại Thái Nguyên	Nguyễn Thị Thúy Mỹ và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên, 164 (04), ISSN: 1859-2171, tr. 97-102	2017	
155.	Ảnh hưởng của việc bổ sung chế phẩm egg Stimulant và Selvie - WD vào nước uống đến chất lượng trứng của gà thương phẩm Isa Shaver	Nguyễn Thị Thúy Mỹ và CS	Kỷ yếu Hội nghị khoa học toàn quốc Chăn nuôi - Thú y, Trường Đại học Cần Thơ, tháng 3/2017, tr. 246-253, ISBN: 978-604-60-2492-7.	2017	
156.	Deprivation of esophageal boluses and dry forage intake in large-type goats.	Tran Van Thang, Katsunori Sunagawa, Itsuki Nagamine, Seiyu Kato.	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences, 23(9), pp. 1174-1183	September, 2010	
157.	Salivary secretion volume related ruminal distension and	Tran Van Thang,	Asian-Australasian	August, 2011	

	suppression of dry forage intake in large-type goats.	Katsunori Sunagawa, Itsuki Nagamine, Go Ogura.	Journal of Animal Sciences, 24(8), pp. 1069-1085		
158.	Plasma osmolality controls dry forage intake in large-type goats.	Tran Van Thang, Katsunori Sunagawa, Itsuki Nagamine, Go Ogura.	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences, 24(8), pp. 1069-1085	August, 2011	
159.	The main suppressing factors of dry forage intake in large-type goats.	Tran Van Thang, Katsunori Sunagawa, Itsuki Nagamine, Tetsuya Kishi, Go Ogura.	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences, 25(3), pp. 341-352	March, 2012	
160.	A physiological stimulating factor of water intake during and after dry forage feeding in large-type goats	Tran Van Thang, Katsunori Sunagawa, Itsuki Nagamine, Tetsuya Kishi, Go Ogura.	Asian-Australasian Journal of Animal Sciences, 25(4), pp. 502-514	April, 2012	
161.	Obstructive urolithiasis in large-type goat in Japan	Tran Van Thang, Nguyen Hung Quang.	Journal of Science and Technology, Volume 118 (04), 2014, Thai Nguyen University, pp. 61-64	2014	
162.	Bước đầu đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại Bắc Kạn	Mai Anh Khoa, Trần Văn Thăng, Nguyễn Thu Phương, Trần Huê Viên, Nguyễn Hưng Quang, Nguyễn Hữu Cường.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái nguyên, Tập 119, Số 5, tr. 3-8	2014	
163.	Đánh giá khả năng sinh trưởng phát dục của bò Mông qua các giai đoạn từ sơ sinh đến 24 tháng tuổi tại Hà Giang	Trần Văn Thăng, Nguyễn Hưng Quang, Nguyễn Hữu Cường, Trần Huê Viên.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 6/2014, tr .74-82	2014	

164.	Đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Cao Bằng	Trần Văn Thắng, Mai Anh Khoa, Nguyễn Thu Phương, Nguyễn Hưng Quang, Trần Huê Viên, Nguyễn Hữu Trà, Nguyễn Hữu Cường.	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái nguyên, Tập 123, Số 9, tr. 113-118	2014	
165.	Ảnh hưởng của tỷ lệ tinh thô trong khẩu phần đến khả năng thu nhận và tiêu hóa thức ăn của nghé giai đoạn 6-12 tháng tuổi	Trần Văn Thắng, Nguyễn Văn Hải, Mai Anh Khoa, Trương Hữu Dũng, Nguyễn Văn Đại.	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, tháng 11/2015, tr. 159-167	2015	
166.	Đánh giá năng suất chất xanh và sử dụng cỏ Stylo CIAT 184 và B. mulato II trong chăn nuôi dê tại huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên	Trần Văn Thắng, Nguyễn Hưng Quang, Trần Huê Viên.	Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi – Viện Chăn nuôi, Số 60, tháng 2/2016, tr. 76-87	2016	
167.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ tinh thô trong khẩu phần đến khả năng sinh trưởng của nghé cái giai đoạn 6-12 tháng tuổi	Trần Văn Thắng, Nguyễn Văn Hải, Mai Anh Khoa, Trương Hữu Dũng.	Tạp chí Khoa học kỹ thuật Chăn nuôi – Hội Chăn nuôi Việt Nam, số 205, tháng 4/2016, tr. 78-85	2016	
168.	Đánh giá năng suất, chất lượng và khả năng sử dụng một số giống cỏ trong chăn nuôi bò tại Sơn La	Trần Văn Thắng, Nguyễn Hưng Quang, Mai Anh Khoa.	Tạp chí Khoa học công nghệ chăn nuôi – Viện Chăn nuôi, Số 62, tháng 4/2016, tr. 88-100	2016	
169.	Lai giống và đánh giá khả năng sinh trưởng của dê lai F ₁ (Đực Boer x Cái địa phương) tại Trung tâm giống cây trồng và vật nuôi Phó Bảng, Hà Giang	Trần Văn Thắng, Nguyễn Hữu Hòa, Hà Thị Hảo	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái nguyên, Tập 164, Số 4	2017	

170.	Xác định tỷ lệ tiêu hóa và giá trị năng lượng trao đổi của một số loại thức ăn phổ biến nuôi trâu bằng phương pháp in vivo và in vitro	Trần Văn Thăng và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, Tập 177, số 01, tr. 141-146	2018	
171.	Ảnh hưởng của bổ sung thức ăn ủ chua đến khả năng sinh trưởng của bò thịt	Trần Văn Thăng và cs	Tạp chí Khoa học Công nghệ Chăn nuôi, Viện Chăn nuôi, Tập 3, số 85, tr. 65-75	2018	
172.	Ảnh hưởng của bổ sung chế phẩm sinh học milk feed đến năng suất sinh sản của lợn nái landrace giai đoạn từ ngày chữa thứ 84 đến cai sữa lợn con	Trần Văn Thăng và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên, Tập 187, số 11, tr. 91-97	2018	
173.	Effect of weaning age on the growth performance of piglets and the fertility of sows in Viet Yen District, Bac Giang province.	Trương Hữu Dũng	Đại học Thái Nguyên	2011	
174.	Kỹ thuật nuôi lợn con từ sơ sinh đến 60 – 70 ngày tuổi.	Trương Hữu Dũng	NXBNN, Hà Nội	2011	
175.	Đánh giá khả năng sản xuất của 3 tổ hợp lợn đực lai cuối cùng giữa 3 giống Duroc, Pietrain và Landrace	Trương Hữu Dũng và cs	Nông nghiệp và phát triển Nông thôn, (11)122-128;	2015	
176.	Đặc điểm ngoại hình và khả năng cho thịt của gà đa cựa nuôi tại Tân Sơn, Xuân Sơn Phú Thọ	Trương Hữu Dũng và cs	Nông nghiệp và phát triển Nông thôn (5)90-94;	2015	
177.	Đánh giá khả năng sinh trưởng, tiêu tốn thức ăn của 3 tổ hợp lai thương phẩm (DP x CA), (PD x CA) và (LP x CA) giai đoạn sơ sinh đến 56 ngày tuổi	Trương Hữu Dũng, Phùng Đức Hoàn	Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, trang: 109-115, số 04, Tập 164 năm 2017.	2017	
178.	Khảo sát năng suất và chất lượng thịt của 3 tổ hợp lai nuôi thịt (DP x CA), (PD x CA) và (LP x CA).	Trương Hữu Dũng và cs	Tạp chí KH&CN Đại học Thái Nguyên, trang: 109-115, số 04, Tập 164 năm 2017.	2018	
179.	Nghiên cứu khả năng thích nghi, sinh trưởng và sức sản xuất thịt của gà Sao (Guinea Fowl) dòng lớn nuôi tại trang trại của tỉnh	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN	2008	

	Thái Nguyên				
180.	Nghiên cứu tập tính sinh học, khả năng thích nghi, sinh trưởng, phát dục và sinh sản của gà Sao (Guinea Fowl) sinh sản dòng lớn nuôi tại Trại gà giống Thịnh Đán – Thành phố Thái Nguyên	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	2008	
181.	Ảnh hưởng của độ dày mỡ lưng đến các chỉ tiêu sinh lý sinh dục và sức sản xuất của lợn nái nuôi trong trang trại tại Thị xã Sông Công, tỉnh Thái Nguyên	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN	2011	
182.	Nghiên cứu thiết lập phản ứng DotELISA để chẩn đoán sớm bệnh sán lá gan ở trâu, bò.	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN	2012	
183.	Nghiên cứu tạo kháng thể kháng progesteron trên thỏ để chẩn đoán có thai sớm và bệnh sinh sản ở bò sữa	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN	2013	
184.	Định lượng Progesteron bằng kỹ thuật EIA kết hợp với kiểm tra buồng trứng qua trực tràng để chẩn đoán bệnh chậm sinh ở bò sữa	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN	2015	
185.	Ảnh hưởng của cá thể, mùa vụ và môi trường bảo tồn đến phẩm chất tinh dịch của trâu Murrha	Nguyễn Đức Hùng và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ ĐHTN	2016	
186.	Higher growth with combination of wet and coarse diet. Feed Mix:	Mai Anh Khoa và cs	the international Journal on feed, nutrition and technology	2008	
187.	Bước đầu đánh giá thực trạng đàn bò H'Mông nuôi trong nông hộ tại Bắc Kạn,	Mai Anh Khoa và cs	Tạp chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Thái Nguyên	2014	
188.	Selection of Suitable Forages For The Cold and Dry Conditions In North West Vietnam, Proceedings of the International Conference 2015 on Livelihood Development and Sustainable Environment Management in the Context of Climate Change,	Mai Anh Khoa và cs	Thai Nguyen University of Agriculture and Forestry, Published by Agriculture Publishing House	2015	

189.	Initial assessment on growth and yield of some grass varieties grown in the northwestern mountainous region,	Mai Anh Khoa và cs	Journal of Science and Technology, Thai Nguyen University	2014	
190.	Evaluation of Phosphorus recoverability from poultry drops via some bio-physio-chemical methods	Mai Anh Khoa và cs	Journal of Science and Technology – TNU	2010	
191.	Effect of tannin in green tea by-product in combination with Bio-char supplemented into basal beef cattle diet on nutrient digestibility, methane production and animal performance	Mai Anh Khoa et al	Journal of Animal Sciences, Vol. 8, pp. 206-214	2018	
192.	Ảnh hưởng của nồng độ muối cao trong thủy phân cá Mòi bằng enzyme thương mại	Lê Minh Châu và cs	Tạp chí Nông nghiệp và PTNT	2015	
193.	Proteolysis of Sardine and Anchovy by comercial enzymes in Saline solutions	Lê Minh Châu và cs	Food technol, Biotechnol	2015	
194.	Nghiên cứu sử dụng gôm bức xạ hồng ngoại chọn lọc trong sấy cá cơm sấy	Lê Minh Châu và cs	Kỷ yếu hội thảo hội nghị khoa học trẻ toàn quốc khối Nông Lâm Ngư	2009	
195.	Thủy phân cá trích (sardina pilchardus) bởi enzyme protex 51FP và protamex	Lê Minh Châu và cs	Tạp chí NN và PTNT kỳ 1 tháng 12 năm 2017, số 326 tr.97 -102	2017	
196.	Đánh giá một số chỉ tiêu chất lượng trong sản xuất nước mắm truyền thống từ cá cơm và cá nục	Lê Minh Châu và cs	Khoa học và công nghệ, ĐH Thái Nguyên	2018	
197.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin C trong khẩu phần đến khả năng sinh trưởng và chống stress nhiệt trong mùa hè của lợn ngoại từ 60 – 120 ngày tuổi	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2008	
198.	Nghiên cứu ảnh hưởng của tỷ lệ protein khác nhau trên cơ sở cân đối một số axit amin thiết yếu ở mức cao đến sinh trưởng của lợn lai thương phẩm giai đoạn 18-50kg	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2008	

199.	Nghiên cứu ảnh hưởng của các tỷ lệ protein khác nhau với mức 10 g Lysine/kg thức ăn đến sinh trưởng và cho thịt của lợn ngoại giai đoạn 18-50kg	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2009	
200.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng của cỏ Paspalum Atratum trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2009	
201.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng của cỏ Brachiaria decumbens basilisk trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2009	
202.	Ảnh hưởng của phân NPK đến năng suất và chất lượng của cỏ Brachiaria Brizantha trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2009	
203.	Ảnh hưởng của phân đạm đến năng suất và chất lượng cỏ Brachiaria brizantha 6387 trồng tại Thái Nguyên	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2009	
204.	Ảnh hưởng của phân bón đến năng suất và chất lượng của cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học và công nghệ	2010	
205.	Ảnh hưởng của tỷ lệ bột cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184 khác nhau trong khẩu phần đến năng suất và chất lượng của gà thịt	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí khoa học công nghệ chăn nuôi	2011	
206.	Tiêu hoá, hấp thu và giá trị dinh dưỡng của bột cỏ cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184 trong khẩu phần ăn của gà thịt Lương Phượng	Phan Đình Thắm và CS	Chăn nuôi, Hội Chăn nuôi Việt Nam,	2011	
207.	Ảnh hưởng của tỷ lệ bột cỏ stylosanthes guanensis CIAT 184 khác nhau trong khẩu phần đến chất lượng trứng của gà đẻ Lương Phượng	Phan Đình Thắm và CS	Tạp chí Nông nghiệp & PTNT	2012	
208.	Nghiên cứu đánh giá thực trạng và đề xuất giải pháp phát triển đàn trâu tại Thái Nguyên	Dương Mạnh Hùng và CS	Tạp chí NN & PTNT	2008	
209.	Nghiên cứu ảnh hưởng của việc bổ sung vitamin ADE với tỷ lệ khác nhau trong khẩu phần đến khả năng sản xuất của gà Lương Phượng thương phẩm nuôi thịt	Trần Tố và CS	Tạp chí Khoa học Kỹ thuật Chăn nuôi	2008	
210.	Ảnh hưởng của thức ăn hỗn hợp chứa các dạng đỗ tương chế biến khác nhau đến sinh trưởng của gà broiler AA.	Trần Tố	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, ĐH Thái	2008	

			Nguyên		
211.	Xác định ảnh hưởng của tỷ lệ phối trộn khác nhau giữa đậu tương và đậu nho nhe trong khẩu phần đến sinh trưởng và khả năng cho thịt của gà broiler Kabir	Trần Tố	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
212.	So sánh hiệu quả sử dụng thức ăn hỗn hợp tự phối chế với thức ăn hỗn hợp của một số hãng trong chăn nuôi gà broiler Kabir tại Thái Nguyên	Trần Tố	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên Tập 52, số 4,2009	2009	
213.	Ảnh hưởng của tỷ lệ khác nhau giữa methionine và lysine trong khẩu phần chứa đậu tương và đậu nho nhe đến sinh trưởng và khả năng sử dụng thức ăn của gà broiler Kabir	Trần Tố	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
214.	Sử dụng bột thân lá đỗ nho nhe trong chăn nuôi bò sữa	Trần Tố	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên	2009	
215.	Ảnh hưởng của proteaza và amilaza trong khẩu phần có mức protein khác nhau đến sinh trưởng của lợn con giai đoạn sau cai sữa.	Trần Tố và CS	Tạp chí Khoa học & Công nghệ, Đại học Thái Nguyên,	2012	
216.	Ảnh hưởng của enzyme tiêu hóa trong khẩu phần có mức chất xơ khác nhau đến sinh trưởng của lợn con giai đoạn sau cai sữa.	Trần Tố và CS	Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn,.	2013	
217.	Ảnh hưởng của probionic đến sinh trưởng của lợn con sau cai sữa.	Trần Tố và CS	Tạp chí Chăn nuôi,	2013	

4.5. Hội thảo khoa học quốc gia, quốc tế tổ chức tại cơ sở đào tạo

Bảng 5: Hội thảo, hội nghị thuộc chuyên ngành đào tạo tổ chức ở Cơ sở đào tạo, kèm theo bảng sau:

TT	Tên hội thảo, hội nghị khoa học	Thời gian tổ chức	Cơ quan phối hợp tổ chức	Nội dung chủ yếu
1	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn có hiệu quả cao	25,26/5/2008	công ty Japavina	Kỹ thuật nuôi gà thả vườn
2	Công nghệ chế biến thức ăn chăn nuôi	7/ 2009	công ty Japavina	Công nghệ chế biến thức ăn
3	Những bệnh mới và bệnh ghép ở gia súc và	5,6/4/ 2010	công ty Japavina	Bệnh mới và biện pháp phòng trị

	gia cầm			
4	Chăn nuôi lợn đạt năng suất cao	9/2010	Viện chăn nuôi	Chăn nuôi lợn đạt năng suất cao
5	Những vấn đề mới trong công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp	5/2011	công ty Japavina	Công nghệ sản xuất thức ăn hỗn hợp
6	Công nghệ cấy truyền phôi	6/2012	Viện chăn nuôi	Công nghệ cấy truyền phôi

Bảng 6: Dự án, chương trình hợp tác thuộc chuyên ngành đào tạo, kèm theo bảng danh mục:

TT	Tên đề tài, chương trình	Cơ quan chủ trì	Cơ quan tham gia	Thời gian hợp tác (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Nội dung chính của hợp tác đối với Chuyên ngành
	-	-	-	-	-

Bảng 7: Giảng viên cơ hữu thuộc chuyên ngành tham gia đào tạo tiến sĩ với CSĐT nước ngoài, kèm theo bảng:

TT	Họ, tên giảng viên, cán bộ khoa học	Cơ sở đào tạo đến hợp tác, nước	Thời gian (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Công việc thực hiện chính
	-	-	-	-

Bảng 8: Giảng viên/Cán bộ khoa học của cơ sở đào tạo nước ngoài tham gia đào tạo chuyên ngành tiến sĩ, kèm theo bảng sau:

TT	Họ, tên	Cơ sở đào tạo nước ngoài	Thời gian (tháng, năm bắt đầu, kết thúc)	Công việc thực hiện chính
	-	-	-	-

6. Danh mục tên luận án tiến sĩ đã bảo vệ của chuyên ngành, nghiên cứu sinh thực hiện và người hướng dẫn

TT	Tên luận án tiến sĩ	NCS thực hiện	Ngày bảo vệ	Chuyên ngành	Họ tên cán bộ hướng dẫn	Quyết định cấp bằng, số bằng
1	Xác định thành phần dinh dưỡng một số loại thức ăn chính ở Thái Nguyên và nghiên cứu tỷ lệ phù hợp giữa Lysine và năng lượng trao đổi cho lợn lai F1 (Móng Cái x Yorkshire) nuôi thịt	Phạm Thị Hiền Lương	26/07/2006	Chăn nuôi	GS.TS Từ Quang Hiển PGS.TS Phan Đình Thắm	Số 721/QĐ-ĐHTN-SDH, 01/11/2006
2	Nghiên cứu năng suất, chất lượng và hiệu quả sử dụng một số giống cỏ hòa thảo nhập nội trong chăn nuôi bò thịt.	Từ Trung Kiên	23/01/2011	Chăn nuôi	PGS.TS Phan Đình Thắm GS.TS Từ Quang Hiển	Số 347/QĐ-ĐHTN, 12/05/2011
3	Nghiên cứu sử dụng một số loại hạt đậu đỗ ở miền núi phía Bắc làm thức ăn nuôi gà thả vườn Broiler giống Kabir tại Thái Nguyên	Trần Tô		Chăn nuôi	GS.TS Từ Quang Hiển PGS PTS Hoàng Văn Tiến	
4	Xác định thành phần dinh dưỡng của bột lá keo đậu (Leucaena leucocephana) ở các vùng sinh thái khác nhau ở Việt Nam và sử dụng bột lá keo đậu trong khẩu phần ăn của gà Broiler và gà sinh sản	Nguyễn Đức Hùng	28/12/2005	Chăn nuôi	GS.TS Từ Quang Hiển	4409
5	Nghiên cứu biện pháp nâng cao khả năng sản xuất của gà tây	Trần Huê Viên		Chăn nuôi	GS.TS Từ Quang Hiển	

6	Nghiên cứu khả năng sản xuất của một số giống cỏ nhập nội và sử dụng trong chăn nuôi dê	Nguyễn Thị Liên		Chăn nuôi	GS.TS Từ Quang Hiến	
7	Nghiên cứu đặc điểm sinh học và khả năng sản xuất của dê nội nuôi ở vùng núi đông Bắc	Trần Trang Nhung	2000	Chăn nuôi	PGS.TS Nguyễn Khánh Quắc GS.TS Từ Quang Hiến	
8	Nghiên cứu khả năng sản xuất của giống gà thịt lông màu Sasso nuôi tại miền Bắc Việt Nam	Nguyễn Thị Hải	14/03/2010	Chăn nuôi	PGS.TS Trần Thanh Vân TS. Đoàn Xuân Trúc	Số 945/QĐ-ĐHTN, 26/07/2010
9	Nghiên cứu ảnh hưởng của Phytase đến hiệu quả sử dụng thức ăn, năng suất chăn nuôi và giảm thiểu ô nhiễm môi trường của gà thịt thương phẩm	Nguyễn Thu Quyên	06/08/2012	Chăn nuôi	PGS.TS Trần Thanh Vân TS. Trần Quốc Việt	Số 199/QĐ-ĐHTN, 28/02/2013
10	Nghiên cứu xác định mức protein thích hợp trên cơ sở cân bằng tối ưu một số axit amin thiết yếu trong thức ăn cho lợn ngoại sinh trưởng	Bùi Thị Thơm	18/08/2011	Chăn nuôi	PGS.TS Trần Văn Phùng PGS.TS Hoàng Toàn Thắng	Số 18/QĐ-ĐHTN, 10/01/2012
11	Nghiên cứu thực trạng yếu tố liên quan đến tồn dư kháng sinh, hormone trong một số sản phẩm từ lợn thịt tại thành phố Thái Nguyên và hiệu quả can thiệp.	Vi Thị Thanh Thủy	19/02/2012	Y tế cộng đồng	GS.TS. Hoàng Khải Lập PGS.TS Trần Văn Phùng	683/QĐ-ĐHTN ngày 16/7/2012 0043
12	NC xác định khẩu phần có mức năng lượng và protein tối thiểu	Nguyễn Thị Thuý My	12/04/2005	Chăn nuôi	PGS.TS Nguyễn Duy Hoan PGS.TS Nguyễn Khánh	4395

	trên cơ sở cân bằng axit amin dùng để nuôi ngan pháp lấy thịt tại Thái Nguyên				Quốc	
13	Nghiên cứu khả năng sinh trưởng, năng suất và phẩm chất thịt gà lai F1 giữa các giống gà lông màu: (Kabir x Ri); (Lương Phượng x Ri) nuôi thả vườn tại Thái Nguyên	Lê Huy Liễu	3/3/2006	Chăn nuôi	GS TS Lê Hồng Mận PGS.TS Nguyễn Duy Hoan	4424
14	Nghiên cứu sử dụng Multi-enzyme và Probiotic trong nuôi dưỡng lợn con sau cai sữa	Cù Thị Thúy Nga	30/5/2014	Chăn nuôi	PGS.TS. Trần Văn Phùng PGS.TS. Trần Tố	71/QĐ-ĐHTN Ngày 15/1/2015 0109
15	Nghiên cứu một số đặc điểm sinh học, sinh sản của loài ong Apis cerana nuôi tại Thái Nguyên	Phùng Đức Hoàn	22/3/2015	Chăn nuôi	1.PGS. TS. Nguyễn Duy Hoan 2.TS. Phùng Hữu Chính	927/QĐ-ĐHNL-ĐT Ngày 4/8/2015 0012
16	Nghiên cứu xác định mức protein thô lysine/năng lượng trao đổi và tỷ lệ (methionine + cystine)/lysine thích hợp trong khẩu phần gà Ri lai (♂ Ri x ♀ Lương Phượng) theo mùa vụ ở miền Bắc Việt Nam	Võ Văn Hùng	18/6/2017	Chăn nuôi	1. PGS.TS. Trần Thanh 2. TS. Trần Quốc Việt	1324/QĐ-ĐHNL-ĐT ngày 21/9/2017

